TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN ĐỐNG ĐA** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **956/**2022/HNGĐ-ST Ngày 22-9-2022 V/v tranh chấp yêu cầu không công nhận vợ chồng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA, TP. HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thúy;

Các hội thẩm nhân dân: Bà Dương Tú Anh;

Ông Lý Anh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Phương Ly- Thư ký Tòa án nhân dân quận Đống Đa, TP Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên tòa: Bà Phạm Hà Thanh- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa, TP Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 347/2022/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 về *Tranh chấp yêu cầu không công nhận vợ chồng* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 208/2022/QĐXX-ST ngày 22/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 221/2022/QĐHPT-ST ngày 07/9/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thanh T, sinh năm 1982;

ĐKHKTT: Tổ 24, căn hộ 1705A, tòa A thuộc dự án khu thương mại – văn phòng cho thuê và căn hộ cao cấp, số 102 phố TT, phường TL, quận Đống Đa, Hà Nội. Có mặt.

Bị đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1974;

ĐKHKTT: Xã An Thượng, huyện Hoài Đức, Hà Nội.

Nơi cư trú: Tổ 24, căn hộ 1603A, tòa A thuộc dự án khu thương mại - Văn phòng cho thuê và căn hộ cao cấp, số 102 phố TT, phường TL, quận Đống Đa, Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/4/2022 và bản tự khai ngày 16/6/2022, nguyên đơn chị Lê Thị Thanh T trình bày:

Chị và anh Phạm Văn H quen biết nhau từ năm 2004, đến năm 2005 thì tổ chức đám cưới và chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng

ký kết hôn theo quy định của pháp luật do lúc đó anh H nói anh là người gốc Trung Quốc, ở Việt Nam với bố mẹ nuôi, anh không có giấy tờ gốc ở Việt Nam, tuy nhiên sự thật không phải như anh H nói. Sau khi về chung sống với nhau, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian. Đến năm 2012 anh chị phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Do thời điểm này chị T phát hiện anh H đã có vợ con trước khi đến với chị. Chị Bùi Thị Phương TH là vợ hiện tại có đăng ký kết hôn với anh H đã đến gặp trực tiếp chị, chị TH có nói với chị về quá trình kết hôn và chung sống của anh chị, hiện anh chị đã có 03 người con chung. Sau khi phát hiện anh H đã có vợ con, chị T đã đưa con ra khỏi nhà nhưng anh H tạo áp lực không cho chị mang con theo. Khi chị dọn ra ngoài ở riêng, anh H liên tục gọi điện quấy rối, bắt chị phải mang con về. Vì thương con nên chị buộc phải quay về và chung sống với anh H. Anh H chỉ ở với chị 3 ngày trong 1 tuần. Như vậy ngay từ lúc anh H quen biết và cưới chị, anh H đã có gia đình và lừa dối chị, không những vậy anh H còn đánh đập, chửi mắng chị rất nhiều lần. Đầu năm 2022 chị dọn ra ngoài ở riêng cùng con gái. Thời điểm này anh H liên tục đe dọa, quấy rối. Ngày 14/3/2022, anh H theo chị về nơi chị đang sống, anh sử dụng bạo lực, đánh đập để bắt chị cùng con quay về nhà. Chị đã gửi đơn tố cáo anh H đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết. Hiện chị thấy tình cảm giữa chị và anh H không còn, anh H đã có gia đình trước khi đến với chị nên chị đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung theo pháp luật là cháu Phạm Trà M, sinh ngày 13/8/2011. Chị đề nghị được nuôi cháu M, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang làm việc tại Công ty Phương Đông, thu nhập hàng tháng khoảng 20 triệu đồng đủ khả năng nuôi con.

Về tài sản chung, nhà ở, nợ chung: Chị tự thỏa thuận với anh H, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn H đã được triệu tập hợp lệ, được tống đạt các văn bản tố tụng của vụ án nhưng không có mặt theo triệu tập. Tòa án đã đến nơi cư trú của anh H để lấy lời khai nhưng anh H không có nhà nên không thể lấy được lời khai của anh H.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Lê Thị Thanh T trình bày: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Phạm Văn H. Về con chung: Chị T có nguyện vọng nuôi con chung là cháu Phạm Trà M và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nhà ở, nợ chung: Chị sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: HĐXX đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật TTDS về phiên tòa sơ thẩm. Các quy định về phiên tòa, thủ tục bắt đầu phiên tòa, tranh tụng đều được HĐXX thực hiện theo đúng quy định tại Chương 14 BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70,71,234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đã từ chối các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Thanh T và anh Phạm Văn H. Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Trà M, sinh ngày 13/8/2011 cho chị Lê Thị Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh H đến khi chị T có yêu cầu hoặc khi có quyết định thay đổi khác. Tài sản chung, nhà ở, nợ chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị Thanh T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với bị đơn là anh Phạm Văn H. Anh H hiện cư trú tại tổ 24, căn hộ 1603A, tòa A thuộc dự án khu thương mại - Văn phòng cho thuê và căn hộ cao cấp, số 102 phố TT, phường TL, quận Đống Đa, Hà Nội. Yêu cầu của chị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Hà Nội theo quy định tại điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Phạm Văn H đã được Tòa án tống đạt niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh H vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về nội dung: Theo cung cấp của Ủy ban nhân dân xã An Thượng, huyện Hoài Đức, Hà Nội, anh Phạm Văn H kết hôn với chị Bùi Thị Phương TH (sinh năm 1976) từ ngày 07/02/2002, hiện tại anh chị chưa ly hôn. Chị Lê Thị Thanh T trình bày, chị và anh Phạm Văn H chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn từ năm 2005, khi chung sống với anh H, chị T không biết anh H đã có vợ con. Qua xác minh tại địa phương nơi trước đó chị T

và anh H chung sống cho thấy: anh H và chị T cùng con sinh sống tại địa chỉ P1603A, tòa nhà 102 TT, phường TL, quận Đống Đa, Hà Nội nhưng hiện chị T và con là cháu Phạm Trà M đã chuyển đi nơi khác ở. Việc anh H và chị T chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn trong khi anh H đang đăng ký kết hôn với người khác là quan hệ hôn nhân không được pháp luật thừa nhận. Chị T có đơn yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh H, yêu cầu của chị T là có căn cứ theo quy định tại điều 14 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung theo pháp luật là cháu Phạm Trà M, sinh ngày 13/8/2011. Hiện cháu M đang sống cùng với chị T và cháu M có nguyện vọng được ở với mẹ, để tránh xáo trộn cuộc sống của cháu cần giao cháu M cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh H đến khi chị T có yêu cầu hoặc khi có quyết định thay đổi khác.

Về tài sản chung, nhà ở, nợ chung: Chị T tự thỏa thuận với anh H, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Lê Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Điểm c khoản 2 Điều 5; Điều 9; Điều 14; Điều 15; Điều 16; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình;

- Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thanh T. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Thanh T và anh Phạm Văn H.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Thanh T và anh Phạm Văn H có 01 con chung theo pháp luật là cháu Phạm Trà M, sinh ngày 13/8/2011. Giao cháu M cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh H đến khi chị T có yêu cầu hoặc khi có quyết định thay đổi khác.

Anh Phạm Văn H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nhà ở, nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Thanh T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000

đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 70058 ngày 27/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa. Chị Lê Thị Thanh T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố HN;
- VKS Q.Đống Đa, VKS Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án Q.Đống Đa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phương T